TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72/2019/HNGĐ-ST Ngày 31-10-2019 V/v: Ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ
Bà Bùi Bích Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Không

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 236/2019/TLS-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên toà số 62/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 15/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thị K, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt
2. Bị Đơn: Anh Nông Văn L, vắng mặt
Cùng trú tại: Thôn K, xã An Phú, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị K trình bày: Chị kết hôn với anh L năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Phú, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc do tính cách không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân được 03 năm nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị K xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh L.

Về con chung: Chị Lý Thị K xác định không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lý Thị K xác định không có.

Đối với anh Nông Văn L, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh đều vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã hoàn thiện các thủ tục để đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Toà án nhân dân huyện Lục Yên là đúng thẩm quyền về lãnh thổ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 và Điều 51của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị K và anh Nông Văn L được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến Ủy ban nhân xã An Phú, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái đăng ký kết hôn năm 2014 theo đúng quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 là hôn nhân hợp pháp.

[4] Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân được 03 năm và không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị K xác định tình cảm không còn nên xin được ly hôn anh L.

[5] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*

[6] Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lý Thị K và anh Nông Văn L đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy chị K xin ly hôn anh L là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[7] Về con chung: Chị Lý Thị K và anh Nông Văn L không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lý Thị K xác định không có và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về án phí: Chị Lý Thị K phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UB-TVQH-14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án là đúng pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo theo Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 72, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử chị Lý Thị K được ly hôn anh Nông Văn L.

2. Về án phí: Chị Lý Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0004541, ngày 01/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- THADS huyện Lục Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã An Phú;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đăng Ninh